

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TML24B1
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Kỹ năng mềm(2)	Lãnh cơ bản(6)	Trang bị điện(5)	Điểm TB	Xếp loại
01	2455202050531	Nguyễn Thanh Gia An	30/12/2009	8.3	6.4	6.6	7.9	7.7	7.6	Khá
02	2455202050532	Nguyễn Huỳnh Quốc Anh	18/04/2009	6.8	9.9	5.7	5.8	0.9	3.9	Yếu
03	2455202050533	Lê Chí Bảo	16/09/2009	0.0	1.9	0.4	0.0	0.1	0.1	Yếu
04	2455202050534	Trần Duy Phước Bảo	29/03/2009	8.7	9.2	7.1	7.8	8.1	7.8	Khá
05	2455202050535	Lâm Khánh Duy	07/01/2009	8.3	5.9	7.2	7.1	5.6	6.5	Trung bình
06	2455202050536	Nguyễn Ngọc Thanh Duy	09/11/2009	6.7	6.0	5.7	7.2	7.4	7.0	Khá
07	2455202050537	Nguyễn Thành Đạt	26/08/2009	5.0	7.0	4.3	6.4	0.0	3.6	Yếu
08	2455202050538	Lê Hải Đăng	06/10/2009	5.0	9.2	5.7	5.8	0.0	3.6	Yếu
09	2455202050539	Lê Hồng Đây	27/08/2009	6.1	9.9	6.0	5.2	2.9	4.4	Yếu
10	2455202050540	Nguyễn Hà Hiếu	09/08/2008	3.5	4.0	3.3	3.3	0.0	2.0	Yếu
11	2455202050541	Phạm Tuấn Huy	09/04/2008	6.4	9.8	6.1	5.8	0.0	3.6	Yếu
12	2455202050543	Nguyễn Hoàng Khải	24/07/2009	6.8	9.8	6.4	5.3	0.0	3.4	Yếu
13	2455202050545	Bùi Tuấn Khang	09/09/2009	7.8	9.9	6.6	6.8	7.1	6.9	Trung bình
14	2455202050546	Huỳnh Hữu Kháng	21/10/2009	8.1	6.0	7.8	3.9	6.2	5.4	Trung bình
15	2455202050547	Phan Lê Bảo Khanh	03/10/2009	8.3	10.0	6.8	8.0	5.8	7.0	Khá
16	2455202050548	Nguyễn Anh Khoa	23/02/2009	8.1	9.3	6.1	7.3	5.0	6.2	Trung bình
17	2455202050549	Nguyễn Liêu Nhựt Mỹ	06/04/2009	7.9	9.9	9.1	7.9	8.6	8.4	Giỏi
18	2455202050551	Trần Hoàng Nguyên	09/03/2009	3.6	5.6	3.1	8.3	8.6	7.6	Khá
19	2455202050552	Trương Thanh Phát	15/08/2009	3.1	3.0	2.7	6.4	0.0	3.4	Yếu
20	2455202050553	Nguyễn Kim Thanh Phong	23/02/2009	5.5	8.4	4.9	6.8	7.2	6.7	Trung bình
21	2455202050554	Võ Huỳnh Thanh Phúc	16/06/2009	8.2	9.4	6.5	7.3	5.3	6.4	Trung bình

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Kỹ năng mềm(2)	Lạnh cơ bản(6)	Trang bị điện(5)	Điểm TB	Xếp loại
22	2455202050555	Nguyễn Vũ	Phương	07/05/2009	2.5	3.1	2.7	6.4	0.0	3.4	Yếu
23	2455202050557	Bùi Hữu	Thanh	17/11/2009	5.3	9.4	6.1	6.9	5.0	6.0	Trung bình
24	2455202050558	Nguyễn Xuân	Thắng	07/11/2009	7.1	9.2	7.0	8.8	8.4	8.4	Giỏi
25	2455202050559	Phạm Hồng	Thắng	15/11/2009	5.1	6.9	7.1	6.4	7.1	6.8	Trung bình
26	2455202050560	Võ Ngọc	Thiệu	27/10/2009	0.0	3.1	0.4	0.0	0.0	0.1	Yếu
27	2455202050561	Lê Quốc	Thịnh	20/08/2008	6.7	7.3	7.3	7.4	6.8	7.2	Khá
28	2455202050562	Trần Lê Bảo	Toàn	28/07/2009	6.2	10.0	6.1	5.9	0.0	3.7	Yếu
29	2455202050563	Võ Ngọc	Tốt	16/04/2009	7.4	9.7	7.3	7.1	2.9	5.5	Trung bình
30	2455202050564	Mai Quang	Tuấn	08/01/2009	7.2	8.8	5.8	6.0	6.9	6.3	Trung bình
31	2455202050566	Nguyễn Quang Triều	Vỹ	16/04/2009	6.3	8.1	6.3	6.4	7.4	6.8	Trung bình

Lưu ý: Môn học **Giáo dục QP - AN** và **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 09 tháng 07 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái